

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2020/DS-ST
Ngày 17 - 07 - 2020
V/v “*Tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai và ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh, là thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, tham gia phiên tòa có ông Y Lương - kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 732/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 71/2020/QĐXX-ST-DS ngày 12 tháng 06 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 442020/QĐHPT-ST-DS ngày 29 tháng 06 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Xăng dầu An Phúc L;

Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng,

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Sỹ V - Giám đốc.

Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng;

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Vân M;

Trú tại: phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Thịnh Phát T;

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk,

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Dương K - Giám đốc.

Trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại bản tự khai đại diện theo pháp luật của nguyên đơn, ông Hồ Sỹ V trình bày:*

Ngày 02/10/2018 Công ty chúng tôi và bị đơn có ký Hợp đồng mua bán số 0711/HĐMB/2018, V/v mua bán xe chở dầu hiệu Hino FL8J - XTCX với dung tích bồn chứa 20m³, với giá là: 1.850.000.000đồng, sau khi ký Hợp đồng bên tôi đã chuyển tiền cọc lần đầu: 101.000.000đồng; lần 2: Ngày 29/03/2019 chuyển 199.000.000đồng; lần 3: Ngày 26/04/2019 chuyển 100.000.000đồng; lần 4: Ngày 09/05/2019 chuyển 750.000.000đồng. Tổng cộng đã chuyển thanh toán là: 1.150.000.000đồng.

Sau các lần chuyển tiền thì bị đơn đều hứa sẽ giao xe, nhưng chờ mãi bị đơn vẫn không chịu giao xe, tôi đã đàm phán nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Đến ngày 28/06/2019 tôi đành phải yêu cầu bị đơn thanh lý Hợp đồng và hoàn trả lại tiền cho Công ty tôi, đồng thời phải bồi thường những chi phí tổn kém do đi lại với bị đơn.

Ngày 02/7/2019 hai bên đã thanh lý Hợp đồng và bên bị đơn đã cam kết sẽ thanh toán hết vào ngày 20/7/2019, nhưng đến nay bị đơn mới thanh toán được 750.000.000đồng, số còn lại không chịu thanh toán. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Thương mại Thịnh Phát T phải trả cho Công ty TNHH xăng dầu An Phúc L tổng số tiền là: 452.650.000đồng; Trong đó, tiền gốc 400.000.000đồng, tiền lãi 46.650.000đồng + chi phí đi lại là 6.000.000đồng. Tuy nhiên, sau khi khởi kiện nguyên đơn đã có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định lại: Yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn gồm: Số tiền nợ gốc là: 400.000.000đồng + 20.000.000đồng tiền lãi của tổng số tiền tính từ ngày bị đơn đã nhận của nguyên đơn đến ngày chốt nợ + với số tiền lãi của khoản tiền gốc 400.000.000đồng, tính theo mức mà pháp luật cho phép kể từ ngày chốt nợ đến khi xét xử.

* Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập đương sự hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình lẩn tránh, không lên Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, bị đơn cũng đã có văn bản gửi cho Tòa án nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn thừa nhận: Đang còn nợ của nguyên đơn số tiền 420.000.000đồng (trong đó, tiền gốc 400.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 20/7/2019 là: 20.000.000đồng).

** Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa.*

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B:*

- *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện theo quy định tại các Điều 70; 71; 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án:* Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng quy định của pháp luật, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp.

- *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả cuộc thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] Về tố tụng:

- Đây là vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố B, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 357; Điều 430; Điều 440 của Bộ luật dân sự.

- Bị đơn đã được Tòa án nhân dân Thành phố B, tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Áp dụng Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo thủ tục quy định chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét việc nợ tiền giữa nguyên đơn với bị đơn là có thật, được thể hiện tại biên bản thanh lý Hợp đồng đề ngày 2-7-2019 và bản cam kết thanh toán đề ngày 20-07-2019, có chữ ký và con dấu của “Công ty TNHH Thương mại Thịnh Phát T” viết tên: Giám đốc Hoàng Dương Khôi và các biên lai ủy nhiệm chi, chứng cứ đã được kiểm tra công khai (bút lục 74).

Xét nội dung trong bản cam kết thì thấy rằng: Bị đơn nợ của nguyên đơn tổng số tiền gốc là: 1.150.000.000đồng và nợ 20.000.000đồng tiền lãi của số tiền gốc tính từ khi nhận tiền đến ngày viết cam kết (20-07-2019). Số tiền này bị đơn cam kết sẽ thanh toán dứt điểm vào ngày 30/7/2019. Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn mới thanh toán được 750.000.000đồng tiền gốc số còn lại 400.000.000đồng tiền gốc và 20.000.000đồng tiền lãi (của thời gian trước khi chốt nợ), nguyên đơn đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không chịu trả, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số nợ là: 420.000.000đồng và lãi suất theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở cần được chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 420.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 430; Điều 440 của Bộ luật dân sự.

[2.2] **Về lãi suất:** Trong giấy cam kết không thể hiện hai bên có thỏa thuận tính lãi suất. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này được pháp luật cho phép, nên cần chấp nhận. Tính lãi kể từ ngày vi phạm hạn trả nợ là (ngày 30/7/2019) đến khi xét xử sơ thẩm = 11 tháng 17 ngày. Áp dụng theo Điều 468 Bộ luật dân sự và Quyết định số 2868/QĐ-TĐNH ngày 01-12-2010 thì mức lãi suất cơ bản tính là 9%/năm = 0,75%/tháng. Số nợ nêu trên được tính cụ thể như sau: 400.000.000đồng x 0,75%/ tháng x 11 tháng 17 ngày = 34.700.000đồng, là hợp tình hợp lý.

Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 454.700.000đồng (trong đó: 400.000.000đồng nợ gốc 20.000.000đồng tiền lãi chưa trả trước khi chốt nợ và 34.700.000đồng tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm hạn trả nợ là ngày 30/7/2019 đến khi xét xử sơ thẩm).

[3] **Về án phí:** Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, thì bị đơn phải chịu án phí DSST, cụ thể được tính như sau: 454.700.000đồng x 5% = 22.735.000đồng.

- *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; 145; 146; 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 357, Điều 430; Điều 440; Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH Xăng dầu An Phúc L.

Buộc Công ty TNHH Thương Mại Thịnh Phát T, có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH Xăng dầu An Phúc L, tổng số tiền nợ là: 454.700.000đồng (trong đó: 400.000.000đồng nợ gốc 20.000.000đồng tiền lãi chưa trả trước khi chốt nợ và 34.700.000đồng tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm hạn trả nợ là ngày 30/7/2019 đến khi xét xử sơ thẩm).

** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

2. Về án phí:

- Công ty TNHH Thương Mại Thịnh Phát T, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 22.735.000đồng.

- Hoàn trả Công ty TNHH Xăng dầu An Phúc L, số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 11.053.000đồng theo biên lai số AA/2019/0005350 ngày 28-11-2019 của Thi

hành án dân sự Thành phố B, (người nộp thay: Nguyễn Thị Vân Mai).

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS TP.B;
- CCTHA DS TP.B;
- Lưu hồ sơ;

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị An